TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 218/2026/QĐST - HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 178/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Nơi thường trú: khu phố P5, phường P, tỉnh Quảng Ninh

Nơi tạm trú: tổ A, khu B, phường V, tỉnh Quảng Ninh

2. Anh Lê Công V, sinh năm 1988

Nơi thường trú: khu phố P5, phường P, tỉnh Quảng Ninh

Nơi tạm trú: tổ A, khu B, phường V, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V đăng ký kết hôn ngày 11/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường P, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống không hạnh phúc,

không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu nên đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V có 02 con chung là Lê Diệp A, sinh ngày 30/3/2015 và Lê Minh S, sinh ngày 01/11/2020. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Công V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Diệp A đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Minh S đến khi thành niên. Chị N và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không vay nợ chung của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V thỏa thuận chị Ninh chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[6] Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn; đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và toàn bộ các vấn đề khác trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 11/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Lê Công V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Diệp A, sinh ngày 30/3/2015 đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Minh S, sinh ngày 01/11/2020 đến khi thành niên. Chị N và anh V không phải cấp dưỡng

nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không vay nợ chung của cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001586 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường P, tỉnh Quảng Ninh (ĐKKH số 53/2014 ngày 11/9/2014 tại UBND phường P).
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương